

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-ĐHSP ngày /6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – ĐHN)

I. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2025 THEO HỌC BẠ

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Độ lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	DDS	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	1. Ngữ văn + Năng khiếu vẽ NT1 (Hình họa chì) + Năng khiếu vẽ NT2 (Trang trí) 2. Toán + Năng khiếu vẽ NT1 (Hình họa chì) + Năng khiếu vẽ NT2 (Trang trí)	1. H00 2. H07	Ưu tiên môn Năng khiếu vẽ NT1	Bằng nhau	Thí sinh tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá (học lực cả năm lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên); Điểm môn Năng khiếu vẽ NT1,2 ≥ 5	-
2	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	1. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 2. Toán + Ngữ văn + Lịch sử 3. Toán + Ngữ văn + Địa lí 4. Toán + Ngữ văn + Tin học 5. Toán + Ngữ văn + Công nghệ công nghiệp	1. D01 2. C03 3. C04 4. X02 5. X03	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
3	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2a. Ngữ văn + Lịch sử + GD&ĐT 2b. Ngữ văn + Lịch sử + GD&ĐT 3. Ngữ văn + Lịch sử + Toán	1. C00 2a. C19 2b. X70 3. C03	Ưu tiên môn Ngữ văn	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Độ lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Vật lý + Tin học	1. A00 2. A01 3. X06	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Toán $\geq$ 8.0
5	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tin học 3. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	1. A00 2. X06 3. A01	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
6	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211	1. Vật lý + Toán + Tiếng Anh 2. Vật lý + Toán + Hóa học 3. Vật lý + Toán + Tin học 4. Vật lý + Toán + Ngữ văn	1. A01 2. A00 3. X06 4. C01	Ưu tiên môn Vật lý	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Vật lý $\geq$ 8.0
7	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212	1. Hóa học + Toán + Vật lý 2. Hóa học + Toán + Sinh học 3. Hóa học + Toán + Tiếng Anh 4. Hóa học + Toán + Ngữ văn	1. A00 2. B00 3. D07 4. C02	Ưu tiên môn Hóa học	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Hóa học $\geq$ 8.0
8	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213	1. Sinh học + Toán + Hóa học 2. Sinh học + Toán + Ngữ văn 3. Sinh học + Toán + Tiếng Anh 4. Sinh học + Toán + Công nghệ nông nghiệp 5. Sinh học + Toán + Tin học	1. B00 2. B03 3. B08 4. X16 5. X14	Ưu tiên môn Sinh học	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Sinh học $\geq$ 8.0

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Độ lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
9	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Lịch sử + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Lịch sử + Toán	1. C00 2. D14 3. C03	Ưu tiên môn Ngữ văn	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Ngữ văn ≥ 8.0
10	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218	1. Lịch sử + Ngữ văn + Địa lý 2. Lịch sử + Ngữ văn + Tiếng Anh 3a. Lịch sử + Ngữ văn + GD&ĐT 3b. Lịch sử + Ngữ văn + GD&ĐT&PL	1. C00 2. D14 3a. C19 3b. X70	Ưu tiên môn Lịch sử	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Lịch sử ≥ 8.0
11	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219	1. Địa lý + Ngữ văn + Lịch sử 2. Địa lý + Ngữ văn + Tiếng Anh 3. Địa lý + Ngữ văn + Toán	1. C00 2. D15 3. C04	Ưu tiên môn Địa lý	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Địa lý ≥ 8.0
12	DDS	Giáo dục Mầm non	7140201	1. Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát) + Toán 2. Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát) + Ngữ văn	1. M09 2. M01	Ưu tiên môn Năng khiếu 1	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên); Điểm môn Năng khiếu 1,2 ≥ 5	-

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Độ lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
13	DDS	Sư phạm Âm nhạc	7140221	1. Năng khiếu AN1 (Cao độ - Tiết tấu) + Năng khiếu AN2 (Hát) + Ngữ Văn 2. Năng khiếu AN1 (Cao độ - Tiết tấu) + Năng khiếu AN2 (Hát) + Toán	1. N00 2. N01	Ưu tiên môn Năng khiếu AN1	Bằng nhau	Thí sinh tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá (học lực cả năm lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên); Điểm môn Năng khiếu AN1,2 ≥ 5	-
14	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	1. Toán + Hóa học + Vật lý 2. Toán + Hóa học + Sinh học 3. Toán + Hoá học + Tiếng Anh 4. Toán + Hóa học + Ngữ văn	1. A00 2. B00 3. D07 4. C02	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
15	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Lịch sử + Tiếng Anh 3a. Ngữ văn + Lịch sử + GD&ĐT 3b. Ngữ văn + Lịch sử + GD&ĐT&PL	1. C00 2. D14 3a. C19 3b. X70	Ưu tiên môn Ngữ văn	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
16	DDS	Giáo dục Công dân	7140204	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2a. Ngữ văn + Lịch sử + GD&ĐT 2b. Ngữ văn + Lịch sử + GD&ĐT&PL 3. Ngữ văn + Lịch sử + Toán	1. C00 2a. C19 2b. X70 3. C03	Ưu tiên môn Ngữ văn	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Độ lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
17	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248	1. Ngữ văn + Toán+ Lịch sử 2a. Ngữ văn + Toán + GD CD 2b. Ngữ văn + Toán + GDKT & PL 3. Ngữ văn + Toán + Địa lý	1. C03 2a. C14 2b. X01 3. C04	Ưu tiên môn Ngữ văn	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
18	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	1. Toán + Ngữ văn - Tiếng Anh 2. Toán + Ngữ văn- Vật lý 3. Toán + Ngữ văn- Hoá học 4. Toán + Ngữ văn + Tin học 5. Toán + Ngữ văn + Công nghệ công nghiệp	1. D01 2. C01 3. C02 4. X02 5. X03	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
19	DDS	Giáo dục thể chất	7140206	1. Năng khiếu TDTT1 (Bật xa tại chỗ) + Năng khiếu TDTT2 (Chạy 40m tốc độ cao) + Toán 2. Năng khiếu TDTT1 (Bật xa tại chỗ) + Năng khiếu TDTT2 (Chạy 40m tốc độ cao) + Ngữ Văn	1. T01 2. T08	Ưu tiên môn Năng khiếu TDTT1	Bằng nhau	Thí sinh tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá (học lực cả năm lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên); Điểm môn Năng khiếu TDTT1,2 ≥ 5	-
20	DDS	Công nghệ Sinh học	7420201	1. Sinh học + Toán + Hóa học 2. Sinh học + Toán + Ngữ văn 3. Sinh học + Toán + Tiếng Anh 4. Sinh học + Toán + Tin học 5. Sinh học + Toán + Vật lý	1. B00 2. B03 3. B08 4. X14 5. A02	Ưu tiên môn Sinh học	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT	Môn Sinh học ≥ 6.0

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Độ lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21	DDS	Hóa học, gồm các chuyên ngành: 1. Hóa Dược; 2. Hóa phân tích môi trường	7440112	1. Hóa học + Toán + Vật lý 2. Hóa học + Toán + Sinh học 3. Hóa học + Toán + Tiếng Anh 4. Hóa học + Toán + Ngữ văn 5. Hóa học + Toán + Công nghệ công nghiệp	1. A00 2. B00 3. D07 4. C02 5. X11	Ưu tiên môn Hóa học	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	Môn Hóa học ≥ 6.0
22	DDS	Công nghệ thông tin	7480201	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tin học 3. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	1. A00 2. X06 3. A01	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	-
23	DDS	Văn học	7229030	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Lịch sử + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Lịch sử + Toán	1. C00 2. D14 3. C03	Ưu tiên môn Ngữ văn	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	Môn Ngữ văn ≥ 6.0
24	DDS	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	1. Lịch sử + Ngữ văn + Địa lý 2. Lịch sử + Ngữ văn + Tiếng Anh 3a. Lịch sử + Ngữ văn + GDCD 3b. Lịch sử + Ngữ văn + GDKT&PL	1. C00 2. D14 3a. C19 3b. X70	Ưu tiên môn Lịch sử	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	Môn Lịch sử ≥ 6.0
25	DDS	Địa lý học (chuyên ngành Địa lý du lịch)	7310501	1. Địa lý + Ngữ văn + Lịch sử 2a. Địa lý + Ngữ văn + GDCD 2b. Địa lý + Ngữ văn + GDKT&PL 3. Địa lý + Ngữ văn + Toán	1. C00 2a. C20 2b. X74 3. C04	Ưu tiên môn Địa lý	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	Môn Địa lý ≥ 6.0
26	DDS	Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch)	7310630	1. Lịch sử + Ngữ văn + Địa lý 2. Lịch sử + Ngữ văn + Tiếng Anh 3a. Lịch sử + Ngữ văn + GDCD 3b. Lịch sử + Ngữ văn + GDKT&PL	1. C00 2. D14 3a. C19 3b. X70	Ưu tiên môn Lịch sử	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	Môn Lịch sử ≥ 6.0

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Độ lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
27	DDS	Văn hóa học	7229040	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Lịch sử + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Lịch sử + Toán	1. C00 2. D14 3. C03	Ưu tiên môn Ngữ văn	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	-
28	DDS	Tâm lý học, gồm các chuyên ngành: 1. Tâm lý học trường học và tổ chức 2. Tâm lý học lâm sàng	7310401	1. Toán + Ngữ Văn + Hóa 2. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Sinh học 4. Toán + Ngữ văn + Lịch sử 5. Toán + Ngữ văn + Địa lý 6a. Toán + Ngữ văn + GD CD 6b. Toán + Ngữ văn + GDKT & PL	1. C02 2. D01 3. B03 4. C03 5. C04 6a. C14 6b. X01	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	-
29	DDS	Công tác xã hội	7760101	1. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 2. Toán + Ngữ văn + Sinh học 3. Toán + Ngữ văn + Lịch sử 4. Toán + Ngữ văn + Địa lý 5. Toán + Ngữ văn + Hóa 6a. Toán + Ngữ văn + GD CD 6b. Toán + Ngữ văn + GDKT & PL	1. D01 2. B03 3. C03 4. C04 5. C02 6a. C14 6b. X01	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	-
30	DDS	Báo chí	7320101	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Lịch sử + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Lịch sử + Toán	1. C00 2. D14 3. C03	Ưu tiên môn Ngữ văn	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	-
31	DDS	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1. Toán + Ngữ văn + Sinh học 2. Toán + Ngữ văn + Địa lý 3. Toán + Ngữ văn + Công nghệ nông nghiệp 4. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 5. Toán + Ngữ văn + Hóa học	1. B03 2. C04 3. X04 4. D01 5. C02	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	-

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Độ lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
32	DDS	Vật lý kỹ thuật	7520401	1. Vật lý + Toán + Hóa học 2. Vật lý + Toán + Tiếng Anh 3. Vật lý + Toán + Tin học 4. Vật lý + Toán + Ngữ văn 5. Vật lý + Toán + Công nghệ công nghiệp	1. A00 2. A01 3. X06 4. C01 5. X07	Ưu tiên môn Vật lý	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	Môn Vật lý $\geq$ 6.0
33	DDS	Khoa học dữ liệu	7460108	1. Toán + Ngữ văn + Vật lý 2. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Tin học	1. C01 2. D01 3. X02	Ưu tiên môn Toán	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	Môn Toán $\geq$ 6.0
34	DDS	Quan hệ công chúng	7320108	1. Ngữ văn + Tiếng Anh + Lịch sử 2. Ngữ văn + Tiếng Anh + Địa lý 3. Ngữ văn + Tiếng Anh + Toán	1. D14 2. D15 3. D01	Ưu tiên môn Ngữ văn	Bằng nhau	Trường sẽ công bố theo kế hoạch của Bộ GDĐT	-

- Điểm môn học dùng để xét tuyển là điểm trung bình cộng 03 năm học (năm học lớp 10, lớp 11 và lớp 12). Điểm môn ngoại ngữ sử dụng trong xét tuyển là môn Tiếng Anh.
- Điểm sàn (DS) = Tổng điểm 3 môn không nhân hệ số + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng
- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển với hệ số tương ứng mỗi môn, quy về thang điểm 30 + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có)
- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng thực hiện theo quy chế tuyển sinh
- Điểm cộng quy đổi được quy định cụ thể trong Thông tin tuyển sinh
- Các ngành có thi môn Năng khiếu (Giáo dục Mầm non; Giáo dục Thể chất, Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật): Thực hiện đăng ký và xét tuyển theo kế hoạch của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.
- Trường tổ chức xét học bạ đối với các thí sinh tốt nghiệp năm 2025 và các năm trước đó.
- Trường ĐHSP:
 - + Trường hợp tổng số thí sinh trúng tuyển của một ngành <15, các thí sinh sẽ được đăng ký chuyển sang ngành đào tạo khác cùng tổ hợp, cùng phương thức xét tuyển và có điểm xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của ngành sẽ chuyển sang.
 - + Trường hợp tổng số thí sinh đăng ký dự thi năng khiếu của một ngành <15, Trường sẽ không tổ chức thi năng khiếu cho ngành này.
 - + Trường hợp do tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp không tiến hành tổ chức thi năng khiếu trực tiếp, Trường sẽ chuyển đổi hình thức thi qua hình thức thi trực tuyến. Đối với Năng khiếu TDTT sẽ điều chỉnh nội dung thi các phân môn, cụ thể như sau: Ném sập chống đẩy thay cho Bật xa tại chỗ và Ném ngựa gấp bụng thay cho Chạy 40m tốc độ cao.

II. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NĂM 2025 THEO KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	DDS	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	1. Năng khiếu vẽ NT1 (Hình họa chì) + Năng khiếu vẽ NT2 (Trang trí) + Ngữ văn 2. Năng khiếu vẽ NT1 (Hình họa chì) + Năng khiếu vẽ NT2 (Trang trí) + Toán	Ưu tiên môn Năng khiếu vẽ NT1	Thí sinh tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá (học lực cả năm lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên); Điểm môn Năng khiếu vẽ NT1,2 ≥ 5	-
2	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	1. Toán*2 + Tiếng Anh 2. Ngữ văn*2 + Tiếng Anh		Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
3	DDS	Giáo dục Chính trị	7140205	1. Ngữ văn*2 + Lịch sử	Ưu tiên môn Ngữ văn	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
4	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	1. Toán*2 + Vật lý 2. Toán*2 + Hoá học 3. Toán*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Toán	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Toán ≥ 6.5
5	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	1. Toán*2 + Vật lý 2. Toán*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Toán	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211	1. Vật lý*2 + Toán 2. Vật lý*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Vật lý	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Vật lý $\geq$ 6.5
7	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212	1. Hóa học*2 + Toán 2. Hóa học*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Hóa học	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Hóa học $\geq$ 6.5
8	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213	1. Sinh học*2 + Toán 2. Sinh học*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Sinh học	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Sinh học $\geq$ 6.5
9	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217	1. Ngữ văn*2 + Lịch sử 2. Ngữ văn*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Ngữ văn	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Ngữ văn $\geq$ 6.5
10	DDS	Sư phạm Lịch sử	7140218	1. Lịch sử*2 + Ngữ văn 2. Lịch sử*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Lịch sử	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Lịch sử $\geq$ 6.5
11	DDS	Sư phạm Địa lý	7140219	1. Địa lý*2 + Ngữ văn 2. Địa lý*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Địa lý	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Địa lý $\geq$ 6.5

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
12	DDS	Giáo dục Mầm non	7140201	1. Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát) + Toán 2. Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát) + Ngữ văn	Ưu tiên môn Năng khiếu 1	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên); Điểm môn Năng khiếu 1,2 ≥ 5	-
13	DDS	Sư phạm Âm nhạc	7140221	1. Năng khiếu AN1 (Cao độ - Tiết tấu) + Năng khiếu AN2 (Hát) + Ngữ văn 2. Năng khiếu AN1 (Cao độ - Tiết tấu) + Năng khiếu AN2 (Hát) + Toán	Ưu tiên môn Năng khiếu AN1	Thí sinh tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá (học lực cả năm lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên); Điểm môn Năng khiếu AN1,2 ≥ 5	-
14	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	1. Vật lý*2 + Toán 2. Sinh học*2 + Toán 3. Hóa học*2 + Toán		Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
15	DDS	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	1. Lịch sử*2 + Ngữ văn 2. Địa lý*2 + Ngữ văn		Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
16	DDS	Giáo dục Công dân	7140204	1. Ngữ văn*2 + Lịch sử	Ưu tiên môn Ngữ văn	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
17	DDS	Giáo dục pháp luật	7140248	1. Ngữ văn*2 + Lịch sử	Ưu tiên môn Ngữ văn	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
18	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	1. Toán*2 + Vật lý 2. Toán*2 + Sinh học 3. Toán*2 + Hóa học	Ưu tiên môn Toán	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
19	DDS	Giáo dục Thể chất	7140206	1. Năng khiếu TDTT1 (Bật xa tại chỗ) + Năng khiếu TDTT2 (Chạy 40m tốc độ cao) + Toán 2. Năng khiếu TDTT1 (Bật xa tại chỗ) + Năng khiếu TDTT2 (Chạy 40m tốc độ cao) + Ngữ văn	Ưu tiên môn Năng khiếu TDTT1	Thí sinh tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá (học lực cả năm lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên); Điểm môn Năng khiếu TDTT1,2 ≥ 5	-

Ghi chú:

- Điểm xét tuyển (ĐXT)= Điểm xét tuyển quy về thang 30 + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng
- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng thực hiện theo quy chế tuyển sinh
- Trường tổ chức xét kết quả thi Đánh giá năng lực của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội (ĐGNL ĐHSHPN) đối với các thí sinh tốt nghiệp năm 2025 và các năm trước đó. Điểm thi ĐGNL ĐHSHPN dùng để xét tuyển là kết quả thi của năm 2025.

III. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NĂM 2025 THEO KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CHUYÊN BIỆT CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	DDS	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	1. Năng khiếu vẽ NT1 (Hình họa chì) + Năng khiếu vẽ NT2 (Trang trí) + Ngữ văn 2. Năng khiếu vẽ NT1 (Hình họa chì) + Năng khiếu vẽ NT2 (Trang trí) + Toán	Ưu tiên môn Năng khiếu vẽ NT1	Thí sinh tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá (học lực cả năm lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên); Điểm môn Năng khiếu vẽ NT1,2 ≥ 5	-
2	DDS	Giáo dục Tiểu học	7140202	1. Toán*2 + Tiếng Anh 2. Ngữ văn*2 + Tiếng Anh		Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
3	DDS	Sư phạm Toán học	7140209	1. Toán*2 + Vật lý 2. Toán*2 + Hoá học 3. Toán*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Toán	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Toán ≥ 6.5
4	DDS	Sư phạm Tin học	7140210	1. Toán*2 + Vật lý 2. Toán*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Toán	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
5	DDS	Sư phạm Vật lý	7140211	1. Vật lý*2 + Toán 2. Vật lý*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Vật lý	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Vật lý ≥ 6.5

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6	DDS	Sư phạm Hóa học	7140212	1. Hóa học*2 + Toán 2. Hóa học*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Hóa học	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Hóa học ≥ 6.5
7	DDS	Sư phạm Sinh học	7140213	1. Sinh học*2 + Toán 2. Sinh học*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Sinh học	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Sinh học ≥ 6.5
8	DDS	Sư phạm Ngữ văn	7140217	1. Ngữ văn*2 + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Ngữ văn	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	Môn Ngữ văn ≥ 6.5
9	DDS	Giáo dục Mầm non	7140201	1. Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát) + Toán 2. Năng khiếu 1 (Kể chuyện theo tranh) + Năng khiếu 2 (Hát) + Ngữ văn	Ưu tiên môn Năng khiếu 1	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên); Điểm môn Năng khiếu 1,2 ≥ 5	-
10	DDS	Sư phạm Âm nhạc	7140221	1. Năng khiếu AN1 (Cao độ - Tiết tấu) + Năng khiếu AN2 (Hát) + Ngữ văn 2. Năng khiếu AN1 (Cao độ - Tiết tấu) + Năng khiếu AN2 (Hát) + Toán	Ưu tiên môn Năng khiếu AN1	Thí sinh tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá (học lực cả năm lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên); Điểm môn Năng khiếu AN1,2 ≥ 5	-
11	DDS	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	1. Vật lý*2 + Toán 2. Sinh học*2 + Toán 3. Hóa học*2 + Toán		Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học	-

TT	Mã trường	Tên ngành - Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Ngưỡng ĐBCL đầu vào của môn nền tảng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	
12	DDS	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	1. Toán*2 + Vật lý 2. Toán*2 + Sinh học 3. Toán*2 + Hóa học	Ưu tiên môn Toán	Thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Tốt (học lực cả năm lớp 12 xếp loại Giỏi trở lên)	-
13	DDS	Giáo dục Thể chất	7140206	1. Năng khiếu TDTT1 (Bật xa tại chỗ) + Năng khiếu TDTT2 (Chạy 40m tốc độ cao) + Toán 2. Năng khiếu TDTT1 (Bật xa tại chỗ) + Năng khiếu TDTT2 (Chạy 40m tốc độ cao) + Ngữ văn	Ưu tiên môn Năng khiếu TDTT1	Thí sinh tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức Khá (học lực cả năm lớp 12 xếp loại từ Khá trở lên); Điểm môn Năng khiếu TDTT1,2 ≥ 5	-

Ghi chú:

- Điểm xét tuyển (ĐXT)= Điểm xét tuyển quy về thang 30 + Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng
 - Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng thực hiện theo quy chế tuyển sinh
 - Trường tổ chức xét kết quả thi Đánh giá năng lực chuyên biệt của Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh (ĐGNL ĐHSPTPHCM) đối với các thí sinh tốt nghiệp năm 2025 và các năm trước đó.
- Điểm thi ĐGNL ĐHSPTPHCM dùng để xét tuyển là kết quả thi của năm 2025.